

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI
CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2020/NQ-HĐTP
DỰ THẢO 01

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI PHẠM
THAM NHƯNG, CHỨC VỤ VÀ VIỆC XÉT XỬ VỤ ÁN THAM NHƯNG, CHỨC VỤ**

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Để áp dụng đúng và thống nhất một số quy định của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 về tội phạm tham nhũng, chức vụ và việc xét xử vụ án tham nhũng, chức vụ;

Sau khi có ý kiến của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này hướng dẫn các nội dung sau đây:

1. Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về tội phạm tham nhũng, chức vụ;
2. Hướng dẫn xác định tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại do tội phạm tham nhũng, chức vụ gây ra;
3. Hướng dẫn thu hồi tài sản trong vụ án tham nhũng, chức vụ;
4. Hướng dẫn giải quyết các giao dịch dân sự có liên quan;
5. Hướng dẫn việc kiến nghị của Tòa án đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình xét xử các vụ án tham nhũng, chức vụ.

Điều 2. Một số thuật ngữ được sử dụng trong Nghị quyết

1. Người có chức vụ, quyền hạn quy định tại các điều 353, 354, 355, 356, 357, 358 và 359 của Bộ luật Hình sự là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó, bao gồm:

- a) Cán bộ, công chức, viên chức;
- b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;
- c) Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- d) Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong doanh nghiệp, tổ chức;

đ) Những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

2. Chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản là trường hợp người phạm tội tham nhũng, chức vụ đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản chiếm đoạt, của hối lộ, bồi thường ít nhất ba phần tư thiệt hại hoặc tích cực tác động để cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em và những người khác khắc phục hậu quả và những người này đã thực hiện việc nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản bị chiếm đoạt, của hối lộ, bồi thường ít nhất ba phần tư thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

3. Hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm là sau khi phạm tội tham nhũng, chức vụ, người phạm tội đã chủ động cung cấp những tin tức, tài liệu, chứng cứ có ý nghĩa cho việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm liên quan đến tội phạm mà họ bị buộc tội (như: chỉ đúng nơi cất giấu vật chứng quan trọng giúp cơ quan chức năng thu hồi được vật chứng đó; khai báo và chỉ đúng nơi đồng phạm khác đang bỏ trốn; khai báo về tội phạm và người phạm tội mới liên quan đến tội phạm mà họ bị buộc tội...). Ngoài những trường hợp nêu trên, có thể xác định những trường hợp khác là “hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm” nhưng Tòa án phải nhận định rõ trong bản án.

4. Lập công lớn là người bị buộc tội đã giúp cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện, truy bắt, điều tra, xử lý tội phạm không liên quan đến tội phạm mà họ bị buộc tội; cứu được người khác trong tình thế hiểm nghèo hoặc cứu được tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên của Nhà nước, của tập thể, của công dân trong thiên tai, hỏa hoạn hoặc sự kiện bất khả kháng khác; có phát minh, sáng chế hoặc sáng kiến có giá trị lớn được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận. Ngoài những trường hợp nêu trên, có thể xác định những trường hợp khác là “lập công lớn” nhưng Tòa án phải nhận định rõ trong bản án.

Điều 3. Về một số tình tiết định tội

1. Đã bị xử lý kỷ luật quy định tại khoản 1 Điều 353, điểm a khoản 1 Điều 354 và điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Hình sự là trường hợp trước đó một người đã bị xử lý kỷ luật về hành vi tham ô tài sản, nhận hối lộ, lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản theo quy định của pháp luật, điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, nhưng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực mà lại thực hiện hành vi tham ô tài sản, nhận hối lộ, lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

Trường hợp người có một hành vi vi phạm đã bị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý kỷ luật trước khi cơ quan tiến hành tố tụng xem xét, xử lý hình sự thì khi xét xử, Tòa án không được xác định trường hợp này là tình tiết “đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm” theo các điều khoản tương ứng của Bộ luật Hình sự.

2. Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 353, điểm a khoản 1 Điều 354, điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội đã bị kết án về một trong các tội tham ô tài sản, nhận hối lộ, lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản, lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ, lạm quyền trong thi hành công vụ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi và giả mạo trong công tác, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện một trong những hành vi tham ô tài sản, nhận hối lộ, lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

Khi áp dụng tình tiết “đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”, cần phân biệt:

a) Trường hợp tiền án của bị cáo đã được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm “đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” thì tiền án đó không được tính để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo.

b) Trường hợp tiền án của bị cáo không được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm “đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” vì hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tiền án của bị cáo phải tính để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

3. Lợi ích vật chất khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354, điểm a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Hình sự là những lợi ích được định giá cụ thể, phục vụ nhu cầu cuộc sống của con người (ví dụ: nhà cửa, phương tiện, công cụ, thiết bị, chi phí phục vụ nhu cầu con người...) mà người phạm tội có được hoặc sử dụng.

4. Lợi ích phi vật chất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự là những lợi ích không phải lợi ích vật chất (ví dụ: các danh hiệu, giải thưởng của Nhà nước, cơ quan, tổ chức; tạo điều kiện để người thân đi du học, tham quan; được quan hệ tình dục; được bầu, bổ nhiệm chức vụ; được nâng điểm thi; hứa hẹn cho tốt nghiệp, cho đi học, đi thi đấu, đi biểu diễn ở nước ngoài...) mà người phạm tội có được hoặc sử dụng.

5. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 355 là sử dụng vượt quá quyền hạn, chức trách, nhiệm vụ được giao.

6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều 358 là dựa vào chức vụ, quyền hạn được giao để làm trái hoặc làm không đúng quyền hạn, chức trách, nhiệm vụ được giao.

7. Vụ lợi quy định tại khoản 1 các điều 356, 357 và 359 là trường hợp người phạm tội đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lạm quyền nhằm đạt được lợi ích vật chất hoặc lợi ích phi vật chất không chính đáng.

8. Thiệt hại do hành vi phạm tội tham nhũng, chức vụ gây ra quy định tại các điều 353, 354, 355 và 358 của Bộ luật Hình sự là những thiệt hại thực tế do hành vi phạm tội gây ra, không bao gồm số tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác mà người phạm tội đã hoặc sẽ chiếm đoạt. (Ví dụ: Nguyễn Văn A (là Thủ kho của Công ty B) có hành vi tham ô số thuốc phòng dịch trị giá 200.000.000 đồng làm toàn bộ số gia cầm trị giá 1.000.000.000 đồng của Công ty B bị chết do không có thuốc phòng dịch. Trong trường hợp này, phải xác định số tiền A chiếm đoạt là 200.000.000 đồng và thiệt hại thực tế do hành vi phạm tội của A là 1.000.000.000 đồng).

Điều 4. Về một số tình tiết định khung

1. Có tổ chức quy định tại điểm a khoản 2 Điều 353, điểm a khoản 2 Điều 354, điểm a khoản 2 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 356, điểm a khoản 2 Điều 357, điểm a khoản 2 Điều 358 và điểm a khoản 2 Điều 359 của Bộ luật Hình sự là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ, phân công, sắp đặt vai trò của những người cùng thực hiện tội phạm.

2. Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm quy định tại điểm b khoản 2 các điều 353 và 355 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội sử dụng công nghệ cao hoặc thủ đoạn gian dối, manh khéo khác để phạm tội, để tiêu hủy chứng cứ, che giấu hành vi phạm tội, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm.

3. Phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353, điểm đ khoản 2 Điều 354, điểm c khoản 2 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 356, điểm b khoản 2 Điều 357 và điểm b khoản 2 Điều 358 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội tương ứng

quy định tại các điều này từ 02 lần trở lên nhưng đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức quy định tại điểm g khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là làm mất hoặc giảm sút thu nhập thường xuyên, thu nhập tăng thêm hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; làm mất đoàn kết trong nội bộ cơ quan, tổ chức; làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị gián đoạn, phải cắt giảm giờ làm, làm mất việc làm dẫn đến giảm hoặc mất thu nhập của người lao động.

5. Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội quy định tại điểm c khoản 3 Điều 353 và điểm d khoản 3 Điều 355 của Bộ luật Hình sự là làm mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, khu vực nơi xảy ra hành vi phạm tội (ví dụ: do hành vi phạm tội dẫn đến việc người dân khiếu kiện bức xúc, tập trung đông người gây ách tắc giao thông, mất an ninh, trật tự...).

Điều 5. Các trường hợp được xem xét miễn trách nhiệm hình sự

1. Người có hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ trong sáng, không vụ lợi cá nhân, muốn đổi mới, dám đột phá vì sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ tổ quốc, kết quả mang lại lớn hơn thiệt hại xảy ra.

2. Người phạm tội là người phụ thuộc, cấp dưới, làm công hưởng lương, chấp hành nhiệm vụ theo chỉ đạo của cấp trên mà không ý thức được đầy đủ hành vi phạm tội, không được hưởng lợi và sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, góp phần có hiệu quả vào việc điều tra, xử lý tội phạm, trừ trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

3. Người đưa hối lộ tuy không bị ép buộc nhưng đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và xử lý tội phạm thì được miễn trách nhiệm hình sự và được trả lại một phần hoặc toàn bộ của đã dùng để đưa hối lộ.

4. Người môi giới hối lộ mà chủ động khai báo trước khi bị phát giác, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và xử lý tội phạm.

5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các trường hợp được xem xét miễn hình phạt

1. Người phạm tội tự nguyện giao nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt, tích cực khắc phục hoàn toàn hậu quả thiệt hại do mình gây ra, trừ trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

2. Người phạm tội là người phụ thuộc, cấp dưới, làm công hưởng lương, chấp hành nhiệm vụ theo chỉ đạo của cấp trên mà không ý thức được đầy đủ hành vi phạm tội, không hưởng lợi và sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, góp phần có hiệu quả vào việc điều tra, xử lý tội phạm nhưng không được miễn trách nhiệm hình sự theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết này.

3. Người đưa hối lộ, người môi giới hối lộ, chủ động khai báo sau khi bị phát giác, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và xử lý tội phạm.

4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Áp dụng hình phạt đối với người phạm tội tham nhũng, chức vụ

1. Áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với người phạm tội là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tính chất chuyên nghiệp, vì động cơ vụ lợi cá nhân, phạm tội đến cùng, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.
2. Không áp dụng hình phạt tử hình đối với trường hợp người phạm tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị phát hiện đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.
3. Không áp dụng mức cao nhất của khung hình phạt đối với trường hợp người phạm tội tham nhũng, chức vụ mà sau khi bị phát hiện đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản chiếm đoạt, của hối lộ, hoặc bồi thường ít nhất ba phần tư thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Trường hợp người phạm tội còn có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự thì có thể được áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự.
4. Áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với trường hợp:
 - a) Người phạm tội tự nguyện giao nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt, tích cực khắc phục hoàn toàn hậu quả thiệt hại do mình gây ra nhưng không được miễn hình phạt theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết này;
 - b) Người phạm tội là người phụ thuộc, cấp dưới, làm công hưởng lương, chấp hành nhiệm vụ theo chỉ đạo của cấp trên và không hưởng lợi nếu không thuộc trường hợp được miễn hình phạt theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết này.
5. Trường hợp điều luật có quy định hình phạt bổ sung là tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản thì Tòa án phải áp dụng hình phạt bổ sung này đối với phần tài sản thuộc sở hữu của người phạm tội nếu họ không chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của tài sản đó.

Điều 8. Truy cứu trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp cụ thể

1. Trường hợp người trực tiếp quản lý tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (ví dụ: thủ quỹ, thủ kho...) vì thiếu trách nhiệm mà để mất mát, hư hỏng, lãng phí gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thì bị xử lý về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Hình sự. Trường hợp người có chức vụ, quyền hạn vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao, gây thiệt hại tài sản, gây thương tích hoặc làm chết người thì bị xử lý về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định tại Điều 360 của Bộ luật Hình sự.
2. Trường hợp người sử dụng tài sản do tham nhũng mà có để thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 324 của Bộ luật Hình sự thì ngoài việc bị xử lý về tội chức vụ tương ứng, người phạm tội còn bị xử lý về tội rửa tiền theo quy định của Bộ luật Hình sự.
Ví dụ: Nguyễn Văn A là Tổng Giám đốc Tổng Công ty B đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt của Tổng Công ty B số tiền 50.000.000.000 đồng, sau đó A dùng tiền này đầu tư kinh doanh bất động sản. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt số tiền 50.000.000.000 đồng của A có dấu hiệu cấu thành tội tham ô tài sản quy định tại Điều 353 của Bộ luật Hình sự, còn hành vi dùng tiền tham ô được đầu tư kinh doanh bất động sản có dấu hiệu cấu thành tội rửa tiền quy

định tại Điều 324 của Bộ luật Hình sự. Do đó, A bị truy cứu trách nhiệm hình sự về 02 tội, gồm tội tham ô tài sản quy định tại Điều 353 và tội rửa tiền quy định tại Điều 324 của Bộ luật Hình sự, nếu mỗi hành vi đều có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm.

3. Trường hợp một người thực hiện nhiều lần cùng một loại hành vi quy định tại chương các tội phạm về chức vụ, trong các hành vi đó chưa có lần nào bị xử lý kỷ luật và chưa hết thời hiệu xử lý kỷ luật hoặc chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu tổng trị giá tài sản chiếm đoạt hoặc của hối lộ bằng hoặc trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự, thì người thực hiện nhiều lần cùng loại hành vi phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng theo tổng trị giá tài sản chiếm đoạt hoặc của hối lộ, nếu các hành vi được thực hiện liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian.

4. Trường hợp một người thực hiện hành vi phạm tội vừa chiếm đoạt tài sản hoặc nhận của hối lộ vừa gây thiệt hại mà trị giá tài sản bị chiếm đoạt hoặc lợi ích được nhận và trị giá tài sản bị thiệt hại đều trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điều 353, 354, 355 và 358 của Bộ luật Hình sự thì xử lý như sau:

a) Nếu trị giá tài sản bị chiếm đoạt hoặc trị giá của hối lộ, trị giá tài sản bị thiệt hại đều thuộc khung hình phạt cơ bản thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khung hình phạt cơ bản.

b) Nếu trị giá tài sản bị chiếm đoạt hoặc trị giá của hối lộ, trị giá tài sản bị thiệt hại thuộc các khung hình phạt khác nhau thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khung hình phạt cao hơn.

c) Nếu trị giá tài sản bị chiếm đoạt hoặc trị giá của hối lộ, trị giá tài sản bị thiệt hại cùng một khung hình phạt tăng nặng thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo cả hai tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự.

5. Trường hợp một người thực hiện nhiều lần cùng một loại hành vi quy định tại các điều 353, 354, 355, 356, 357 và 358 của Bộ luật Hình sự mà tổng trị giá tài sản chiếm đoạt hoặc của hối lộ nhận hoặc trị giá tài sản bị thiệt hại của các lần tham nhũng thuộc khung hình phạt tăng nặng, nếu các lần phạm tội đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, thì ngoài việc bị áp dụng khung hình phạt tương ứng với trị giá tài sản chiếm đoạt, của hối lộ nhận, tài sản bị thiệt hại, họ còn bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng hoặc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như sau:

a) Nếu tổng trị giá tài sản chiếm đoạt hoặc của hối lộ nhận hoặc trị giá tài sản bị thiệt hại thuộc khoản 2 của điều luật tương ứng thì người phạm tội bị áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên”.

b) Nếu tổng trị giá tài sản chiếm đoạt hoặc của hối lộ nhận hoặc trị giá tài sản bị thiệt hại thuộc khung hình phạt tăng nặng khác thì người phạm tội bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”.

Điều 9. Xác định tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại do tội phạm tham nhũng, chức vụ gây ra

1. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại do tội phạm tham nhũng, chức vụ gây ra làm căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự được xác định tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội. Trường hợp tội phạm thực hiện liên tục, kéo dài thì giá trị tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại được xác định tại thời điểm kết thúc hành vi phạm tội. Đối với trường hợp hành vi phạm tội đang diễn ra nhưng bị phát

hiện thì giá trị tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại được xác định tại thời điểm hành vi phạm tội bị phát hiện.

2. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại do tội phạm tham nhũng, chức vụ gây ra làm căn cứ xác định trách nhiệm dân sự, áp dụng biện pháp tư pháp được xác định tại thời điểm giải quyết vụ án.

Điều 10. Thu hồi tài sản trong vụ án tham nhũng, chức vụ

1. Tài sản bị chiếm đoạt, tài sản do phạm tội tham nhũng, chức vụ mà có, lợi nhuận phát sinh từ tài sản do phạm tội tham nhũng, chức vụ mà có phải bị tạm giữ, kê biên, phong tỏa ngay khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phát hiện hành vi phạm tội và phải bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, tịch thu tiêu hủy hoặc trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

2. Trường hợp tài sản có nguồn gốc từ tội phạm tham nhũng, chức vụ đã được nhập vào khối tài sản thuộc sở hữu chung thì tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, tịch thu tiêu hủy hoặc trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp đối với phần tài sản có nguồn gốc từ tội phạm tham nhũng, chức vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 11. Giải quyết các giao dịch dân sự liên quan đến đối tượng phạm tội

Trong quá trình xét xử vụ án tham nhũng, chức vụ, Tòa án phải giải quyết các giao dịch dân sự có liên quan (ví dụ: hợp đồng hợp tác kinh doanh; hợp đồng mua bán, chuyển nhượng tài sản, cổ phần, quyền lợi của người thứ ba ngay tình...) để bảo đảm thu hồi tài sản tham nhũng và lợi nhuận phát sinh từ tài sản tham nhũng, đồng thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 12. Kiến nghị của Tòa án đối với cơ quan, tổ chức

Khi xét xử vụ án tham nhũng, chức vụ, phát hiện ra những thiếu sót, vi phạm trong công tác quản lý của cơ quan, tổ chức hoặc phát hiện những văn bản pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì tùy từng trường hợp cụ thể, Tòa án phải kiến nghị cơ quan, tổ chức khắc phục giải quyết; kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ văn bản pháp luật trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày tháng năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN**

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để giám sát);
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội (để giám sát);
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội (để giám sát);
- Ban Dân nguyện thuộc UBTWQH;
- Ban Nội chính Trung ương (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Văn phòng Chủ tịch nước (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ 02 bản (để đăng Công báo);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Bộ Công an (để phối hợp);

Nguyễn Hòa Bình

- Các TAND và TAQS các cấp (để thực hiện);
- Các Thẩm phán và các đơn vị TANDTC (để thực hiện);
- Công thông tin điện tử TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH TANDTC.